

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**của CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VN BENCHMARK**  
**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015**

**Kèm theo**  
**BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**



## MỤC LỤC

	Trang
<b>1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị</b>	03-05
<b>2. Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	06-07
<b>3. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán</b>	
· Bảng cân đối kế toán	08-11
· Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	12
· Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	13
· Thuyết minh Báo cáo tài chính	14-33

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư VN Benchmark (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

### **1. Thông tin chung**

Công ty Cổ phần Đầu tư VN Benchmark là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0105824156 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/03/2012, thay đổi lần 4 vào ngày 07/09/2015.

Vốn điều lệ của Công ty là 63.010.600.000 VND (Sáu mươi ba tỷ không trăm mười triệu sáu trăm nghìn đồng).

Ngành nghề kinh doanh chính như sau:

- Hoạt động tư vấn quản lý
- Hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ

### **2. Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau :

<b>Họ tên</b>	<b>Chức danh</b>
Bà Nguyễn Thanh Huyền	Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật
Ông Trần Thanh Hải	Thành viên Hội đồng quản trị thường trực
Bà Vũ Cẩm La Hương	Thành viên Hội đồng quản trị
Bà Hoàng Thị Tuyết Nhung	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Vũ Đông Hải	Thành viên Hội đồng quản trị

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau :

<b>Họ tên</b>	<b>Chức danh</b>
Ông Vũ Đông Hải	Tổng Giám đốc
Ông Trần Thanh Hải	Phó Tổng giám đốc điều hành
Ông Nguyễn Tiến Dương	Kế toán trưởng

### **3. Trụ sở**

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 7 ngách 25/7 phố Vũ Ngọc Phan, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Văn phòng giao dịch tại: Tầng 4, số nhà 16A, khách sạn Hướng Dương, đường Nguyễn Công Trứ, phường Phạm Đình Hồ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

### **4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

### **5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ**

Đến ngày lập báo cáo này, Hội đồng quản trị Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

### **6. Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH PKF Việt Nam đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty.

### **7. Công bố trách nhiệm của Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Hội đồng quản trị Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Hội đồng quản trị Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Hội đồng quản trị xác nhận rằng Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**8. Ý kiến của Hội đồng quản trị**

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị Công ty, Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2016

**Thay mặt Hội đồng quản trị**



**Nguyễn Thanh Huyền**

**Chủ tịch HĐQT**

==  
141  
ĐN  
NH  
P  
T  
X  
==

Số: 34 /2016/BCKT/PKF-VPHN

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2016

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
của Công ty Cổ phần Đầu tư VN Benchmark

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư VN Benchmark**

Chúng tôi, Công ty TNHH PKF Việt Nam đã thực hiện công việc kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty Cổ phần Đầu tư VN Benchmark được lập ngày 10 tháng 03 năm 2016 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được trình bày từ trang 08 đến trang 33 kèm theo.

**Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị**

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Đầu tư VN Benchmark và được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam**



**Dương Thị Thảo**

Phó Tổng giám đốc

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0162-2015-242-1*

**Nguyễn Thị Huế**

Kiểm toán viên

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 2493-2015-242-1*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>79.966.851.514</b>	<b>30.303.235.709</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>31.853.933.927</b>	<b>3.429.028.022</b>
1. Tiền	111		31.853.933.927	3.429.028.022
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>21.403.700.000</b>	<b>-</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		21.403.700.000	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>21.478.127.708</b>	<b>12.304.750.060</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		12.251.243.971	6.563.400.857
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.856.922.324	2.523.558.614
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	316.000.000	-
6. Các khoản phải thu khác	136	V.4	6.053.961.413	3.217.790.589
7. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.5</b>	<b>3.776.421.137</b>	<b>12.070.798.106</b>
1. Hàng tồn kho	141		3.776.421.137	12.070.798.106
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.454.668.742</b>	<b>2.498.659.521</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	-	1.572.159
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.11	1.405.146.220	2.447.564.840
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		49.522.522	49.522.522
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>23.524.901.447</b>	<b>28.067.953.961</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
Tại ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>23.217.818.252</b>	<b>27.628.787.571</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	20.035.350.239	21.923.516.455
- Nguyên giá	222		28.129.991.974	28.129.991.974
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.094.641.735)	(6.206.475.519)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	3.182.468.013	5.705.271.116
- Nguyên giá	228		3.651.284.727	6.389.748.273
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(468.816.714)	(684.477.157)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (dài hạn)	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>307.083.195</b>	<b>439.166.390</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	72.083.195	144.166.390
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		235.000.000	295.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>103.491.752.961</b>	<b>58.371.189.670</b>

Mẫu số B01-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
Tại ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>30.606.096.441</b>	<b>42.338.850.287</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>19.072.419.569</b>	<b>29.269.241.852</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	5.060.299.117	10.380.449.866
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		331.592.201	115.770.397
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	324.991.715	41.629.926
4. Phải trả người lao động	314		88.505.109	250.946.090
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	724.345.766	1.253.812.890
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.8	12.464.442.285	17.148.389.307
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		78.243.376	78.243.376
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>11.533.676.872</b>	<b>13.069.608.435</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.8	11.254.155.762	12.790.087.325
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		279.521.110	279.521.110

Mẫu số B01-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
Tại ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>72.885.656.520</b>	<b>16.032.339.383</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.13</b>	72.885.656.520	16.032.339.383
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		63.010.600.000	4.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		63.010.600.000	4.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	3.000.000.000
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		22.641.200	22.641.200
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		469.333.779	42.647.734
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		9.383.081.541	8.967.050.449
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>103.491.752.961</b>	<b>58.371.189.670</b>

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2016

Người lập



Vũ Cẩm La Hương

Kế toán trưởng



Nguyễn Tiến Dương

Chủ tịch Hội đồng Quản trị




Nguyễn Thanh Huyền

Mẫu số B02-DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	55.670.883.738	45.501.322.762
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		55.670.883.738	45.501.322.762
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	49.881.628.340	39.180.396.424
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.789.255.398	6.320.926.338
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	26.528.186	1.694.343.222
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.814.682.353	4.685.064.330
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.814.646.673	3.471.006.559
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24			
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	3.019.361.073	2.815.957.819
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(18.259.842)	514.247.411
12. Thu nhập khác	31	VI.5	3.855.477.503	1.286.000.000
13. Chi phí khác	32	VI.6	2.435.111.394	1.286.000.000
14. Lợi nhuận khác	40		1.420.366.109	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.402.106.267	514.247.411
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	321.936.778	35.520.529
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.080.169.489	478.726.882
19. Lợi nhuận sau thuế TNDN của công ty mẹ	61		550.683.663	418.554.461
20. Lợi nhuận sau thuế TNDN của cổ đông không kiểm soát	62		529.485.826	60.172.421
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		285,67	119.681,72

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2016  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Người lập

Kế toán trưởng



Vũ Cẩm La Hương



Nguyễn Tiến Dương



Nguyễn Thanh Huyền

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Năm 2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Đơn vị tính: VND Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		55.743.521.672	47.016.151.494
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(50.842.755.883)	(39.963.089.658)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(3.443.508.483)	(3.495.945.718)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(2.601.396.725)	(3.603.430.922)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(38.229.354)	(41.234.753)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		49.218.327.919	3.728.478.071
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(51.096.470.476)	(501.647.693)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(3.060.511.330)</b>	<b>3.139.280.821</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		3.500.000.000	1.286.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.427.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		9.995.770.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(30.378.970.000)	(70.536.172.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	67.011.409.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.931.500	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(18.305.268.500)</b>	<b>(2.238.763.000)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		56.010.600.000	3.000.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		17.117.312.162	157.539.138.604
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		34.292.522.125	(160.493.274.836)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(57.629.712.872)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>49.790.721.415</b>	<b>45.863.768</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>28.424.941.585</b>	<b>946.381.589</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>3.429.028.022</b>	<b>2.490.322.912</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		(35.680)	(7.676.479)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>VII.34</b>	<b>31.853.933.927</b>	<b>3.429.028.022</b>

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2016

Người lập



Vũ Cẩm La Hương

Kế toán trưởng



Nguyễn Tiến Dương

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Nguyễn Thanh Huyền

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư VN Benchmark là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0105824156 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/03/2012, thay đổi lần 1 vào ngày 07/09/2015.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 7 ngách 25/7 phố Vũ Ngọc Phan, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Văn phòng giao dịch tại: Tầng 4, số nhà 16A, khách sạn Hường Dương, đường Nguyễn Công Trứ, phường Phạm Đình Hồ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là 63.010.600.000 VND (Sáu mươi ba tỷ không trăm mười triệu sáu trăm nghìn đồng).

**2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là Tư vấn quản trị doanh nghiệp, đầu tư tài chính, kinh doanh thương mại.

Các ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Đại lý, môi giới, đấu giá  
Chi tiết: Đại lý, môi giới (không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đầu  
Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục  
Chi tiết: Tư vấn du học;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Tờ vắn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính.

**3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường tại đơn vị là 12 tháng.

**4. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:** Không.

**5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có công ty con sau:

Tên Doanh nghiệp	Địa chỉ	Quyền biểu quyết
<b>Công ty con</b>		
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Tấm bông Hà Nội - EVC	Lô VIII.3 Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Thanh Khương, Thuận Thành, Bắc Ninh	52,22%

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

### **II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### **3. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2015 của Công ty Cổ phần Đầu tư VN Benchmark bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Đầu tư VN Benchmark và báo cáo tài chính của công ty con là Công ty CP SX KD Tấm Bông Hà Nội .

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở cộng gộp các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và báo cáo tài chính của công ty con là Công ty CP SX KD Tấm Bông Hà Nội EVC sau khi loại trừ các khoản doanh thu, chi phí và các khoản công nợ phải thu, phải trả nội bộ và điều chỉnh một số nghiệp vụ theo qui định .

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Khi thực hiện công tác kế toán, Công ty áp dụng các loại tỷ giá sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế;
- Tỷ giá ghi sổ kế toán.

Ngoài ra, khi xác định nghĩa vụ thuế (kê khai, quyết toán, nộp thuế), Công ty thực hiện theo các qui định của pháp luật về thuế.

#### **2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### **4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

##### **a) Chứng khoán kinh doanh:**

Chứng khoán kinh doanh của Công ty bao gồm: Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán, các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, phí, lệ phí ngân hàng. Giá gốc

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể: Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0), chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Cuối niên độ kế toán, thực hiện lập sự phòng giảm giá nếu giá thị trường của chứng khoán kinh doanh thấp hơn giá gốc.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

**b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

**c) Các khoản cho vay:**

Các khoản cho vay được phản ánh theo khế ước cho vay giữa Công ty với các đối tượng vay không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

**d) Đầu tư vào công ty con:**

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

**đ) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

**e) Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính:**

Các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

**f) Lập dự phòng đầu tư tài chính**

Dự phòng đầu tư tài chính là dự phòng lập theo hướng dẫn tại thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

**4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

**a) Nguyên tắc ghi nhận**

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn.

**b) Lập dự phòng phải thu khó đòi**

**5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

**a) Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hóa nguyên liệu, vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được ghi nhận vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất;
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường;
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng;
- Chi phí bán hàng;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

**b) Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho**

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

**c) Phương pháp hạch toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**d) Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

**6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định, tài sản cố định thuê tài chính, bất động sản đầu tư**

**a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc, được điều chỉnh sửa đổi bổ sung theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05-50 năm
- Máy móc, thiết bị	03-15 năm
- Phương tiện vận tải	05-10 năm
- Thiết bị văn phòng	03-10 năm

**b) Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định thuê tài chính**

**c) Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư**

**7. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh**

**8. Nguyên tắc kế toán tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính sau. Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn.
- Chi phí thuê văn phòng có giá trị lớn.

**10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Các khoản phải trả người bán được từng đội theo dõi và chịu trách nhiệm.

Số dư các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm báo cáo được phân loại và phản ánh trên báo cáo như sau:

- Là khoản nợ ngắn hạn nếu có thời hạn phải thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Là khoản nợ dài hạn nếu có thời hạn phải thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Các khoản phải trả, tiến hành theo dõi chi tiết công nợ theo từng hạng mục công trình chuyển sang theo dõi chi tiết công nợ theo từng đội xây dựng.

**11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Vay được ghi nhận theo số tiền vay mà Công ty nhận được theo hợp đồng vay;

Nợ cho thuê tài chính được ghi nhận theo số tài sản thuê tài chính mà Công ty nhận được tương ứng với số tiền thuê mà Công ty phải trả theo hợp đồng thuê tài chính.

**12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

**13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

**15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đều được phản ánh ngay vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí hoạt động tài chính (nếu lỗ).

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

**a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**b) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

**c) Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**d) Doanh thu hợp đồng xây dựng**

**e) Thu nhập khác**

Là khoản thu được từ các hoạt động khác ngoài các hoạt động đã nêu trên.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**17. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Giảm trừ doanh thu là các khoản: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại trong kỳ của Công ty.

**18. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản phẩm của sản phẩm xây lắp bán ra trong kỳ.

**19. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**20. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

- Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...
- Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của Công ty, gồm các chi phí về tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

**21. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

**22. Công cụ tài chính**

**a) Tài sản tài chính**

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

***b) Nợ phải trả tài chính***

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của công ty gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

**23. Báo cáo theo bộ phận**

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý được quy định tại thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện 06 chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VN BENCHMARK**

Số 7 ngách 25/7 Vũ Ngọc Phan, p. Láng Hạ, q. Đống Đa, tp. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

Đơn vị tính: VND

**1. TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền mặt

Tiền gửi ngân hàng

**Cộng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.280.434.996	2.638.384.713
Tiền gửi ngân hàng	30.573.498.931	790.643.309
<b>Cộng</b>	<b>31.853.933.927</b>	<b>3.429.028.022</b>

**2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Giá gốc	Số cuối năm Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Số đầu năm Dự phòng	Giá trị hợp lý
a) Chứng khoán kinh doanh	21.403.700.000		21.403.700.000			
- Tổng giá trị cổ phiếu	20.550.000.000	-	20.550.000.000	-	-	-
<i>Cổ phiếu CEO (*)</i>	20.550.000.000	-	20.550.000.000	-	-	-
- Các khoản đầu tư khác (**)	853.700.000		853.700.000			

**Chi tiết:**

(\*) Cổ phiếu CEO là Cổ phiếu của Công ty CP Tập đoàn CEO, hiện đang niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

(\*\*) Các khoản đầu tư khác là khoản đầu tư góp vốn vào bốn (04) Công ty là đơn vị cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước. Chi tiết:

+ Công ty Cổ phần May Nam Định	360.000.000
+ Công ty Cổ phần Xi măng X18	125.100.000
+ Công ty CP Viễn thông - Tin học Bưu điện	254.600.000
+ Công ty CP Đầu tư Xây lắp Tây Hồ	114.000.000
<b>Cộng</b>	<b>853.700.000</b>

b) Đầu tư dài hạn khác

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

**3. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG****a) Phải thu khách hàng ngắn hạn**

Công ty TNHH ICHIMENS Việt Nam

Công ty cổ phần X20

Công ty TNHH Bình Phát Hưng Yên

ASEAN LINK GROUP CO.,LTD

Ngô Văn Tuệ

Nguyễn Thị Thúy

Đặng Trần Thế

Hoàng Văn Bình

Các khoản phải thu khách hàng khác

**b) Phải thu khách hàng dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>3. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG</b>	<b>12.251.243.971</b>	<b>6.563.400.857</b>
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Công ty TNHH ICHIMENS Việt Nam	735.220.000	-
Công ty cổ phần X20	204.811.200	6.705.600
Công ty TNHH Bình Phát Hưng Yên	600.006.942	-
ASEAN LINK GROUP CO.,LTD	405.605.899	405.605.899
Ngô Văn Tuệ	803.506.000	-
Nguyễn Thị Thúy	849.365.000	800.332.500
Đặng Trần Thế	524.150.000	-
Hoàng Văn Bình	518.655.250	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	7.609.923.680	5.350.756.858
b) Phải thu khách hàng dài hạn		

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VŨ NƯỚC BENCHMARK**  
**Số 7 ngách 25/7 Vũ Ngọc Phan, p. Láng Hạ, q. Đống Đa, tp. Hà Nội**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**6. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						<b>28.129.991.974</b>
Số dư đầu năm	8.492.069.240	18.760.771.198	809.470.627	67.680.909		
Tăng trong năm						
- <i>Mua trong năm</i>						
- <i>Đầu tư XDCB hoàn thành</i>						
- <i>Tăng khác</i>						
Giảm trong năm						
- <i>Chuyển sang BDS đầu tư</i>						
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>						
- <i>Giảm khác</i>						
Số dư cuối năm	8.492.069.240	18.760.771.198	809.470.627	67.680.909		<b>28.129.991.974</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	1.349.066.437	4.549.862.226	253.501.559	54.045.297		<b>6.206.475.519</b>
Tăng trong năm	488.015.350	1.316.172.625	80.899.151	3.079.090		<b>1.888.166.216</b>
- <i>Số khấu hao trong năm</i>	488.015.350	1.316.172.625	80.899.151	3.079.090		<b>1.888.166.216</b>
- <i>Tăng khác</i>						
Giảm trong năm						
- <i>Chuyển sang BDS đầu tư</i>						
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>						
- <i>Giảm khác</i>						
Số dư cuối năm	1.837.081.787	5.866.034.851	334.400.710	57.124.387		<b>8.094.641.735</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu năm	7.143.002.803	14.210.908.972	555.969.068	13.635.612		<b>21.923.516.455</b>
2. Tại ngày cuối năm	6.654.987.453	12.894.736.347	475.069.917	10.556.522		<b>20.035.350.239</b>

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VN BENCHMARK**  
**Số 7 ngách 25/7 Vũ Ngọc Phan, p. Láng Hạ, q. Đống Đa, tp. Hà Nội**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**7. TẶNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền bằng sáng chế	Phần mềm kế toán, thiết kế	TSCĐ khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	6.389.748.273					<b>6.389.748.273</b>
Tăng trong năm						
- <i>Mua trong năm</i>						
- <i>Tặng khác</i>						
Giảm trong năm	2.738.463.546					<b>2.738.463.546</b>
- <i>Chuyển sang BĐSĐT</i>						
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	2.738.463.546					<b>2.738.463.546</b>
- <i>Giảm khác</i>						
Số dư cuối năm	3.651.284.727					<b>3.651.284.727</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	684.477.157					<b>684.477.157</b>
Tăng trong năm	135.952.092					<b>135.952.092</b>
- <i>Số khấu hao trong năm</i>	135.952.092					<b>135.952.092</b>
- <i>Tặng khác</i>						
Giảm trong năm	351.612.535					<b>351.612.535</b>
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	351.612.535					<b>351.612.535</b>
- <i>Giảm khác</i>						
Số dư cuối năm	468.816.714					<b>468.816.714</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu năm	5.705.271.116					<b>5.705.271.116</b>
2. Tại ngày cuối năm	3.182.468.013					<b>3.182.468.013</b>

(\*) Tài sản vô hình giảm trong năm là: Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Tám bông Hà Nội EVC nhượng quyền sử dụng 4.500 m2 đất tại khu công nghiệp Khai Sơn cho Công ty TNHH INCHIMENS Việt Nam theo hợp đồng chuyển nhượng số 01HD.EVC/ICHIMENS ngày 28/01/2015. Tuy nhiên, đến thời điểm 31/12/2015 Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Tám bông Hà Nội EVC vẫn đang trong quá trình hoàn thiện tách quyền sử dụng đất để giao cho Công ty TNHH INCHIMENS Việt Nam.



**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VN BENCHMARK**

Số 7 ngách 25/7 Vũ Ngọc Phan, p. Láng Hạ, q. Đống Đa, tp. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**8. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>12.464.442.285</b>	<b>12.464.442.285</b>	<b>58.394.884.631</b>	<b>63.078.831.653</b>	<b>17.148.389.307</b>	<b>17.148.389.307</b>
Ngân hàng TMCP Quân Đội (*)	3.886.908.559	3.886.908.559	10.158.802.643	10.023.541.647	3.751.647.563	3.751.647.563
NH TMCP VN Thương tín (**)	7.985.281.908	7.985.281.908	15.985.281.908	8.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Á Châu	-	-	8.712.481.856	19.110.587.053	10.398.105.197	10.398.105.197
Công ty Tài Chính Cổ phần Dệt may	-	-	617.104.650	3.615.741.197	2.998.636.547	2.998.636.547
Công ty CP Chứng khoán APEC	14.310.029	14.310.029	9.308.739.535	9.294.429.506	-	-
Công ty CP CK Maritime bank	77.941.789	77.941.789	6.148.572.627	6.070.630.838	-	-
Vay cá nhân	500.000.000	500.000.000	7.463.901.412	6.963.901.412	-	-
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>11.254.155.762</b>	<b>11.254.155.762</b>	<b>11.930.010.000</b>	<b>13.465.941.563</b>	<b>12.790.087.325</b>	<b>12.790.087.325</b>
NH TMCP VN Thương tín (***)	9.349.190.762	9.349.190.762	10.270.000.000	920.809.238	-	-
Ngân hàng TMCP Á Châu	-	-	10.000	7.423.407.748	7.423.397.748	7.423.397.748
Vũ Thị Mỹ Hạnh	244.965.000	244.965.000	-	950.000.000	1.194.965.000	1.194.965.000
Vũ Cẩm La Hương (****)	1.660.000.000	1.660.000.000	1.660.000.000	2.600.000.000	2.600.000.000	2.600.000.000
Vũ Ngọc Hưng	-	-	-	1.571.724.577	1.571.724.577	1.571.724.577
<b>Cộng</b>	<b>23.718.598.047</b>	<b>23.718.598.047</b>	<b>70.324.894.631</b>	<b>76.544.773.216</b>	<b>29.938.476.632</b>	<b>29.938.476.632</b>

(\*) Ngân hàng TMCP Quân đội, hợp đồng cấp tín dụng số 142.15.035.1485547.TD ngày 16 tháng 03 năm 2015 tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Long Biên. Hạn mức cấp tín dụng: 5.000.000.000, thời hạn cấp tín dụng đến ngày 31/03/2016, lãi suất quy định trong từng kế ước nhận nợ cụ thể, mục đích: Bổ sung vốn lưu động.

(\*\*) Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín, hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số CNHN.DN.01290515 ngày 29 tháng 05 năm 2015, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín - CN Hà Nội. Hạn mức cấp tín dụng: 8.000.000.000 VND, thời hạn cấp tín dụng là 12 tháng, lãi suất được quy định trong từng kế ước nhận nợ cụ thể, mục đích: Bổ sung vốn lưu động.

## CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VN BENCHMARK

Số 7 ngách 25/7 Vũ Ngọc Phan, p. Láng Hạ, q. Đống Đa, tp. Hà Nội

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

(\*\*\*) Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín, hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số CNHN.DN.02290515 ngày 29 tháng 05 năm 2015, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín - CN Hà Nội. Hạn mức cấp tín dụng: 10.270.000.000 VND, thời hạn cấp tín dụng là 72 tháng, lãi suất được quy định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể, mục đích: Đầu tư tài sản cố định.

Tài sản đảm bảo của cả 2 hợp đồng này như sau:

- (1) Bất động sản tọa lạc tại thửa đất số 289, tờ bản đồ số 02, thôn Ngọc Trì, xã Thạch Bàn, huyện Gia Lâm, Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q845887 do UBND huyện Gia Lâm cấp ngày 02/08/2001 cho ông Nguyễn Văn Hưng. Giá trị tài sản đảm bảo là 5.238.000.000 VND
- (2) Bất động sản tọa lạc tại thửa đất số 156, tờ bản đồ số 06, thôn Trạm, phường Long Biên, quận Long Biên, Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA157436 do UBND quận Long Biên cấp ngày 16/08/2004 cho ông Vũ Hà Chung. Giá trị tài sản đảm bảo là 3.848.000.000 VND
- (3) Bất động sản tọa lạc tại thửa đất số 67, tờ bản đồ số 4, KCN Thuận Thành 3, xã Thanh Khương, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BL114090 do UBND tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 27/12/2012 cho Công ty CP Sản xuất và Kinh doanh Tám bông Hà Nội - EVC. Giá trị tài sản đảm bảo là 12.366.000.000 VND
- (4) Xê ô tô hiệu Ford Transit biển kiểm soát 29B-011.03 thuộc sở hữu của Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Tám bông Hà Nội - EVC theo giấy chứng nhận đăng kí xe số 078248. Giá trị tài sản đảm bảo là 476.000.000 VND
- (5) Hệ thống dây chuyền máy móc thuộc sở hữu của Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Tám bông Hà Nội - EVC. Giá trị tài sản đảm bảo là 15.700.000.000 VND
- (6) Bất động sản tọa lạc tại thửa đất số 42, tờ bản đồ số TD-00, tổ 21, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 83, MS 10127450138 do UBND quận Long Biên cấp ngày 21/07/2009 cho ông Vũ Ngọc Hưng - bà Trần Thị Thuận. Giá trị tài sản đảm bảo 2.757.000.000 VND.
- (7) Bất động sản tọa lạc tại thửa đất số 24(1), tờ bản đồ số 16, tổ 8, phường Sài Đồng, quận Long Biên, Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BX557497 do UBND quận Long Biên cấp ngày 15/12/2014 cho ông Lê Kế Tuấn. Giá trị tài sản đảm bảo 4.968.000.000 VND

(\*\*\*\*) Danh sách các hợp đồng vay:

- (1) Hợp đồng vay số 02/11/2015/HDVV/HUONG-VNBC ngày 02/11/2015, số tiền 360.000.000, thời hạn vay không quá 12 tháng, lãi suất 0%
- (2) Hợp đồng vay số 13/10/2015/HDVV/HUONG-VNBC ngày 13/10/2015, số tiền 1.200.000.000, thời hạn vay không quá 12 tháng, lãi suất 0%
- (3) Hợp đồng vay số 22/10/2015/HDVV/HUONG-VNBC ngày 22/12/2015, số tiền 100.000.000, thời hạn vay không quá 12 tháng, lãi suất 0%

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VN BENCHMARK**

Số 7 ngách 25/7 Vũ Ngọc Phan, p. Láng Hạ, q. Đống Đa, tp. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

<b>9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
a) Ngắn hạn	-	1.572.159
- Bảo hiểm hỏa hoạn cháy nổ	-	1.572.159
b) Dài hạn	72.083.195	144.166.390
- Chi phí Công cụ dụng cụ xuất dùng	72.083.195	144.166.390
<b>Cộng</b>	<b>72.083.195</b>	<b>145.738.549</b>

<b>10 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN</b>	<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	5.060.299.117	5.060.299.117	10.380.449.866	10.380.449.866
- Công ty TNHH Quốc tế Vũ Gia	1.701.792.351	1.701.792.351	1.522.710.974	1.522.710.974
- Công ty TNHH WOLSUNG VINA	1.467.700.210	1.467.700.210	941.007.494	941.007.494
- Phải trả cho các đối tượng khác	1.890.806.556	1.890.806.556	7.916.731.398	7.916.731.398
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>5.060.299.117</b>	<b>5.060.299.117</b>	<b>10.380.449.866</b>	<b>10.380.449.866</b>

<b>11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC</b>	<b>Đầu năm</b>	<b>Số phải nộp trong năm</b>	<b>Số đã nộp trong năm</b>	<b>Cuối năm</b>
	a) Phải nộp	41.629.926	322.956.778	39.594.989
- Thuế TNDN	40.264.291	322.956.778	38.229.354	324.991.715
- Thuế TNCN	1.365.635	-	1.365.635	-
<b>Cộng</b>	<b>41.629.926</b>	<b>322.956.778</b>	<b>39.594.989</b>	<b>324.991.715</b>
b) Phải thu	<b>Đầu năm</b>	<b>Số phải thu trong năm</b>	<b>Số đã thu trong năm</b>	<b>Cuối năm</b>
- Thuế GTGT được khấu trừ	2.447.564.840	3.813.164.591	4.855.583.211	1.405.146.220
<b>Cộng</b>	<b>2.447.564.840</b>	<b>3.813.164.591</b>	<b>4.855.583.211</b>	<b>1.405.146.220</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

<b>12 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
a) Ngắn hạn	724.345.766	1.253.812.890
- Kinh phí công đoàn	15.840.000	-
- Bảo hiểm xã hội	323.945.839	305.028.367
- Bảo hiểm y tế	88.106.294	79.308.449
- Phải trả, phải nộp khác	296.453.633	869.476.074
b) Dài hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<b>724.345.766</b>	<b>1.253.812.890</b>

<b>13 . VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<i>Đơn vị tính: VND</i>				
	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Vốn khác của chủ sở hữu	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>4.000.000.000</b>	-	(688.660.476)	-	3.311.339.524
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	418.554.461	-	418.554.461
Tăng khác	-	22.641.200	312.753.749	-	335.394.949
Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>22.641.200</b>	<b>42.647.734</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>7.065.288.934</b>
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	550.683.663	-	550.683.663
Tăng khác	59.010.600.000	-	-	-	59.010.600.000
Giảm khác	-	-	123.997.618	3.000.000.000	3.123.997.618
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>63.010.600.000</b>	<b>22.641.200</b>	<b>469.333.779</b>	-	<b>63.502.574.979</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Năm nay	Năm trước
<b>6 . CHI PHÍ KHÁC</b>		
Các khoản khác	2.435.111.394	1.286.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.435.111.394</b>	<b>1.286.000.000</b>
<b>7 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP</b>		
Chi phí nhận viên	2.060.130.135	1.395.079.264
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	43.045.000	54.400.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	80.388.568	87.414.334
Chi phí dịch vụ mua ngoài	653.007.118	1.207.345.060
Chi phí bằng tiền khác	182.790.252	71.719.161
<b>Cộng</b>	<b>3.019.361.073</b>	<b>2.815.957.819</b>
<b>8 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ</b>		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	26.632.692.158	31.693.536.977
Chi phí nhân công	3.284.687.422	3.564.552.299
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.024.118.308	2.024.118.308
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.134.879.726	1.939.552.109
Chi phí bằng tiền khác	1.639.002.983	3.935.887.261
<b>Cộng</b>	<b>35.715.380.597</b>	<b>43.157.646.954</b>
<b>9 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH</b>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.402.106.267	514.247.411
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	321.936.778	35.520.529
Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.080.169.489	478.726.882

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**
- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**3 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**3.1 Tổng quan**

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- Rủi ro tài chính
- Rủi ro thanh toán
- Rủi ro thị trường

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

**Khung quản lý rủi ro**

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo quản lý nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của mình.

11/01/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**3.2 Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

**Ảnh hưởng của rủi ro tài chính**

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi ngân hàng	30.573.498.931	790.643.309
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn khác	21.403.700.000	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	18.305.205.384	9.781.191.446

**3.3 Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 1 năm trở xuống (VND)	Từ 1 đến 5 năm (VND)	Từ trên 5 năm (VND)	Tổng
<b>Số đầu năm</b>				
Các khoản vay	17.148.389.307	12.790.087.325		29.938.476.632
Phải trả người bán	10.380.449.866	-		10.380.449.866
Chi phí phải trả	-	-		-
Phải trả khác	1.253.812.890	-		1.253.812.890
<b>Số cuối năm</b>				
Các khoản vay	12.464.442.285	11.254.155.762		23.718.598.047
Phải trả người bán	5.060.299.117	-		5.060.299.117
Chi phí phải trả	-	-		-
Phải trả khác	724.345.766	-		724.345.766

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn

**3.4 Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 03 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

**Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi lãi suất và tỷ giá hối đoái.

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VN BENCHMARK**  
Số 7 ngách 25/7 Vũ Ngọc Phan, p. Láng Hạ, q. Đống Đa, tp. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**3.5 Giá trị hợp lý**

- *Sơ sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ*

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	
<b>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</b>					
- Tiền và các khoản tương đương tiền	31.853.933.927	31.853.933.927	3.429.028.022	3.429.028.022	
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	18.305.205.384	(*)	9.630.641.446	(*)	
<b>Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:</b>					
- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu	21.403.700.000	21.403.700.000			
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn khác	20.550.000.000	20.550.000.000			
+ <i>Các khoản đầu tư tài chính vào cổ phiếu đang niêm yết trên thị trường</i>	853.700.000	853.700.000			
+ <i>Các khoản đầu tư tài chính vào cổ phiếu chưa niêm yết trên thị trường</i>					
<b>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</b>					
- Vay ngắn hạn	(12.464.442.285)	(12.464.442.285)	(17.148.389.307)	(17.148.389.307)	
- Phải trả người bán và phải trả khác	(5.784.644.883)	(5.784.644.883)	(11.634.262.756)	(11.634.262.756)	
- Vay dài hạn	(11.254.155.762)	(11.254.155.762)	(12.790.087.325)	(12.790.087.325)	
	<b>42.059.596.381</b>	<b>(*)</b>	<b>(28.513.069.920)</b>	<b>(*)</b>	

(\*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này để thuyết minh theo quy định tại Điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh. Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

- *Cơ sở xác định giá trị hợp lý*

*Nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn*

Giá trị hợp lý của nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các công cụ tài chính này. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**4 . Thông tin về các bên liên quan**

**a) Các bên liên quan**

**Mối quan hệ**

Bà Vũ Cẩm La Hương	Thành viên Hội đồng quản trị, đồng thời là vợ ông Trần Thanh Hải - Thành viên Hội đồng quản trị thường trực kiêm Phó Tổng giám đốc - Công ty Cổ phần Đầu tư VN Benchmark
Bà Vũ Thị Mỹ Hạnh	Em gái bà Vũ Cẩm La Hương

**b) Giao dịch với các bên liên quan**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Giao dịch	Giá trị giao dịch	Số dư đến 31/12/2015
Bà Vũ Cẩm La Hương	Công ty trả nợ vay bà Hương	2.600.000.000	
	Công ty vay tiền bà Hương	1.660.000.000	11.930.010.000
Bà Vũ Thị Mỹ Hạnh	Công ty trả nợ vay bà Hạnh	950.000.000	244.965.000

**5 . Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty đã được Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán và Tư vấn Thuế AAT kiểm toán, được phân loại lại và điều chỉnh theo quy định tại thông tư số 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính./.

**\*/ Các chỉ tiêu thay đổi trên Bảng cân đối Kế toán**

TÀI SẢN	Mã số theo thông tư 200/2014/TT-BTC	Số năm trước c trên báo cáo tài chính năm 2015	Số năm nay trên báo cáo tài chính năm 2014
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>110</b>		
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	12.304.750.060	12.154.200.060
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	2.498.659.521	2.649.209.521
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		

**6 . Thông tin về hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

**7 . Những thông tin khác**

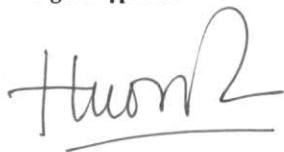
Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong năm Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị






**Vũ Cẩm La Hương**

**Nguyễn Tiến Dương**

**Nguyễn Thanh Huyền**